

**CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG TIẾN ĐẠT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG TIẾN ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN DAT EDUCATION AND TALENT DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TIEN DAT EDUCATION AND TALENT DEVELOPMENT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107814890

**3. Ngày thành lập:** 20/04/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 303 đường Xuân Khanh , tổ 5, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632        |
| 2.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4772        |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310        |
| 4.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8520        |
| 5.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: + Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.                                                                                                                                        | 8560        |
| 6.  | Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                        | 8692        |
| 7.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                               | 4711        |
| 8.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Dạy máy tính.<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Đào tạo trực tuyến | 8559(Chính) |
| 9.  | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9101        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác<br>Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4620 |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn được phẩm và dụng cụ y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649 |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4722 |
| 13. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7320 |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299 |
| 15. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Đào tạo lập trình đồ họa và mỹ thuật đa phương tiện<br>Đào tạo và dạy nghề công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8532 |
| 16. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8551 |
| 17. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8552 |
| 18. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Tất cả các hoạt động y tế vì sức khỏe con người chưa được phân vào đâu mà việc thực hiện đó có sự giám sát của y tá, bà đỡ, các nhà chữa bệnh bằng phương pháp vật lý trị liệu hoặc của những người hành nghề trợ giúp y tế khác trong lĩnh vực đo thị lực, thủy liệu pháp, xoa bóp y học, phép điều trị bằng lao động, phép điều trị bằng lời nói, thuật chữa bệnh chân, phép chữa vi lượng đồng cân, chữa bệnh bằng phương pháp nắn khớp xương, thuật châm cứu.v.v hoặc hoạt động khám chữa bệnh của các thầy thuốc chưa được phân vào đâu;<br>- Những hoạt động này có thể được tiến hành ở các phòng khám của các doanh nghiệp, trường học, nhà dưỡng lão, các tổ chức lao động và các tổ chức hội kín và trong các cơ sở y tế của dân cư ngoài các bệnh viện, cũng như trong các phòng tư vấn riêng, nhà của bệnh nhân hoặc bất cứ nơi nào khác. Các hoạt động này không liên quan đến điều trị y tế.<br>- Hoạt động của các nhân viên trợ giúp nha khoa như các nhà trị liệu răng miệng, y tá nha khoa trường học và vệ sinh viên răng miệng, người có thể làm việc xa, nhưng vẫn dưới sự kiểm soát định kỳ của nha sỹ;<br>- Hoạt động của các phòng thí nghiệm y học | 8699 |



**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội